

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT QUA CA DAO, TỤC NGŨ

Phạm Thị Thúy - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ngày nhận bài: 20/03/2017; ngày sửa chữa: 27/03/2017; ngày duyệt đăng: 29/03/2017.

Abstract: Since the ancient time, Buddhism has become an important part of Vietnamese culture. Up to now, Buddhism thoughts have been imbued in the spiritual life of Vietnamese. The influence of Buddhism on Vietnamese people is reflected in many aspects, including folk songs and proverbs. Buddhism has been associated with the folk literature of the nation, along with the rise and fall of our nation. The stamps of Buddhism in folk songs and proverbs are shown in the characteristics of Buddhism such as the theory of cause and effect, "compassion", the concept of filial piety, etc.

Keywords: Buddhism, influence on folk songs and proverbs.

1. Mở đầu

Phật giáo đã du nhập vào Việt Nam ngay trong buổi bình minh của lịch sử. Gắn bó và đồng hành với đất nước và con người Việt Nam gần 2000 năm, Phật giáo đã nhanh chóng xác lập vị trí đáng kể trong hệ thống tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa tinh thần ở nước ta. Tuy mức độ và cách thức ở mỗi thời kì khác nhau, song Phật giáo luôn luôn được người dân Việt tiếp đón một cách rất tự nhiên, đồng thời, còn cải biến và vận dụng phù hợp với mọi điều kiện lịch sử cụ thể của dân tộc. Điều đó được minh chứng bằng việc khi tiếp cận Phật giáo, họ đã lĩnh hội tinh hoa và giá trị hợp thời đại, đưa niềm tin Phật giáo vào “gia tài tinh thần” của mình. Từ đó, sáng tạo ra rất nhiều những công trình văn hóa mang dấu ấn đặc trưng của đạo Phật như hệ thống chùa tháp, những lễ hội văn hóa dân gian độc đáo và “mảnh ghép” không thể thiếu đó là kho tàng ca dao, tục ngữ (CD, TN) Việt Nam. Thấm nhuần tinh thần nhân văn của đạo Phật, CD, TN dân tộc đã trở thành “triết lý dân gian” gần gũi và thân thuộc, góp phần bồi đắp về trí tuệ, tình cảm và định hướng lối sống cho mỗi người dân Việt.

2. Nội dung nghiên cứu

Chúng ta đều biết rằng, Phật giáo là một triết thuyết sâu sắc hơn bất cứ lí thuyết của một tôn giáo nào khác.

- Về bản thể luận, Phật giáo đưa ra quan niệm về thế giới, cho rằng tất cả các sự vật, hiện tượng cũng như bản thân con người là không tồn tại thực, chỉ là ảo, là giả, là do vô minh của con người đưa lại. Như vậy, điểm khác nhau căn bản giữa Phật giáo và các tôn giáo khác là ở chỗ: Phật giáo nhất quán tư tưởng bác bỏ quan niệm siêu hình về thế giới, Thượng đế, về thần linh hay về một cá nhân ban đầu nào đó đã sinh ra cả thế giới lẫn vạn vật. Mọi vật đều được cấu tạo bởi các yếu tố vật chất (sắc) và tinh thần (danh). Đồng thời, mọi sự vật, hiện tượng trên thế giới đều do nhiều nhân duyên kết hợp mà sinh thành.

- Về triết lí nhân sinh, Phật giáo đưa ra tư tưởng luân hồi, nghiệp báo, tứ diệu đế, thập nhị nhân duyên và niết bàn. Luân hồi, nghiệp báo dựa trên luật nhân - quả. Sự sống - chết của con người chỉ là sự hợp tan của ngũ uẩn. Sau khi chết đi, con người có thể tái sinh trở lại trong kiếp khác. Sự luân hồi giống như bánh xe quay tròn không dứt. Việc tái trở lại kiếp nào là kết quả phụ thuộc vào nghiệp khi con người còn sống tạo ra. Theo quan niệm của Phật giáo, đời người là bể khổ trầm luân do bị chìm đắm trong vòng luân hồi. Phật giáo chỉ ra vòng luân hồi qua *Tứ diệu đế*. Tứ diệu đế (hay còn gọi là bốn chân lí tuyệt diệu), đó là *khổ đế, nhân đế, diệt đế* và *đạo đế*. Như vậy, chính Đức Phật là người tìm ra con đường giải thoát mọi khổ đau của cuộc đời cho chúng sinh. Bằng những lời dạy, Phật truyền dạy cho chúng sinh tri thức và chỉ ra con đường để giác ngộ, giải thoát. Phật cho rằng, nước biển chỉ có một là vị mặn thì đạo của người chỉ có một vị giải thoát. Bằng tinh thần kiên trì và nhân ái, Đức Phật khiến cho chúng sinh từ cõi mê trở về bến giác.

CD, TN là sản phẩm của quần chúng nhân dân, là kết quả của quá trình họ tham gia lao động sản xuất. Thách thức qua không gian và thời gian của lịch sử, được trau chuốt và gọt giũa của nhiều thế hệ của những “nhà thơ vô danh”; CD, TN đã trở thành những viên ngọc quý giá trong kho tàng văn hóa dân tộc, đồng thời, góp phần cơ bản trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam. Trong hệ thống đồ sộ của kho tàng văn học dân gian, một bộ phận CD, TN thấm nhuần tinh thần Phật giáo với những tư tưởng sâu sắc không chỉ làm phong phú thêm kho tàng đó mà nó còn giúp truyền bá những tư tưởng Phật giáo một cách dễ hiểu, nhanh chóng và rộng rãi, đi sâu vào tâm thức của người dân. Phật giáo đã tìm đến và kết duyên với văn hóa nước Việt, mà trước hết gắn bó sâu sắc với CD, TN. Sức ảnh hưởng của Phật giáo trong kho tàng văn

học dân gian thể hiện trong các quan niệm về giáo lí nhân quả, về tinh thần *từ bi hi xả*, quan niệm về chữ duyên, về hạnh phúc khổ đau, và đặc biệt về đạo hiếu nghĩa của con người.

2.1. CD, TN phản ánh thuyết “nhân - quả” trong Phật giáo

Phật giáo chỉ ra rằng, bản chất sự tồn tại của thế giới là một dòng biến chuyển không ngừng, không thể tìm ra nguyên nhân đầu tiên, cũng không thể chỉ ra kết quả cuối cùng (vô thủy, vô chung), không có gì là tồn tại vĩnh hằng, bất biến, mọi vật đều biến đổi liên tục (vạn pháp vô thường), không có gì là thường định. Thế giới sự vật, hiện tượng luôn trong quá trình vận hành sinh - trụ - dị - diệt hay thành - trụ - hoại - không. Đó là quá trình biến hóa theo luật nhân quả mãi mãi. Một sự vật ra đời là do một nguyên nhân trước nó, nhưng đồng thời nó là nguyên nhân của cái sau nó. Lí thuyết *Duyên khởi* của Phật giáo đã giải thích thực chất mối quan hệ giữa nguyên nhân với kết quả trong sự vận động, biến hóa của thế giới. Cái nhân nhờ cái duyên mới sinh ra quả, quả lại nhờ duyên mà tạo thành nhân khác, nhân khác lại nhờ duyên mà tạo thành quả mới. Cứ như vậy, quá trình tương tác nhân - quả nối tiếp nhau, vô cùng vô tận. Duyên chính là điều kiện trong mối quan hệ tương tác đó.

Học thuyết “nhân - quả” trong Phật giáo đã được người dân Việt Nam tiếp nhận và cải biến phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của bản thân. Trong CD, TN Việt, từ nhân đi trực tiếp đến quả mà không cần đến điều kiện phải đầy đủ duyên. “*Ở hiền thì lại gặp lành/Những người nhân đức trời dành phúc cho*”, câu tục ngữ này ta thấy được luật nhân - quả biểu hiện một cách trực tiếp; đồng thời đó cũng là lời dạy của thế hệ trước với thế hệ sau cần sống hiền lành, có tình có nghĩa, có trước có sau, yêu thương, đoàn kết với mọi người... Có như vậy, mới được hưởng điều tốt lành trong cuộc sống và được tổ tiên, đất trời phù hộ chở che. Giáo lí nhân quả còn được thể hiện trong câu tục ngữ khác: “*Ở hiền thì lại gặp lành/Nhược bằng ở dữ tan tành cái con*” hay: “*Ở hiền thì lại gặp lành/ Hễ ai ở ác tội dành vào thân*” chỉ ra rằng, nếu ở hiền sẽ gặp những bình an, hạnh phúc. Còn ngược lại, nếu ăn ở ác, luôn làm điều xấu xa, hại người, không nhân đức ắt sẽ gặp những điều không may, bất hạnh không chỉ bản thân mà cả con cháu của mình cũng chịu những điều bất hạnh mà cha ông đã gây ra từ kiếp trước. Như vậy, giáo lí nhân quả trong CD, TN Việt Nam đã được cải biến trở nên ngắn gọn, súc tích, giàu hình ảnh qua những câu thơ và đặc biệt có ý nghĩa giáo dục rất lớn. Điều này phản ánh tâm thức tôn giáo Việt Nam không thiên về những yếu tố siêu hình, những giáo lí cao siêu mang tính học thuật

mà chủ yếu tiếp nhận những bài học giáo lí đã được đơn giản hóa, dễ tiếp thu và dễ áp dụng vào cuộc sống.

2.2. CD, TN thấm nhuần tinh thần từ bi của đạo Phật

Từ bi - giá trị đặc thù của đạo đức Phật giáo, đó là giáo lí về tình yêu thương được gọi là “*Tứ vô lượng tâm*” bao gồm: Từ - bi - hi - xả.

Tâm từ - là khả năng hiến tặng niềm vui, hiến tặng hạnh phúc. Tâm bi là khả năng làm vơi đi nỗi đau khổ đang có mặt. Nó bao gồm ý chí muốn vơi đi nỗi khổ, chuyển hóa nỗi khổ của con người gồm cả phương pháp và khả năng chuyển hóa nỗi khổ. Tâm hi là niềm vui là tình thương đích thực, có từ có bi sẽ đem tới sự nhẹ nhõm và niềm vui tươi, mang lại hạnh phúc cho con người. Do vậy, tình thương mà chất chứa nỗi sầu đau không phải tình yêu thương trong Phật giáo. Tâm xả là sự nhẹ nhàng, thư thái, tự do và không kì thị. Thương như thế nào mà ta còn giữ được tự do cho ta và cho cả người mình thương thì mới đích thực là tình yêu thương của đạo Phật. “*Tứ tâm vô lượng*” là tình thương vô hạn lượng.

“Thương yêu chúng sinh, mang lại cho họ niềm an lạc, vui sướng gọi là “*Từ*”, đồng cảm với nỗi khổ và chúng sinh bớt khổ gọi là *Bi*. Từ bi rất rộng lớn, chân thật, không phân biệt không hạn lượng. Từ bi là tình thương, vượt ra ngoài những diễn tả của ngôn ngữ, bao trùm vạn vật, bắt nguồn từ sự cảm thông chia sẻ, tha thiết trước nỗi khổ của mọi người, ban phát đến cả muôn loài. Lòng Từ bi là một trong “*Tứ vô lượng tâm*” một công hạnh nhập thể của các vị bồ tát và cũng là một trong những nơi trường dưỡng các pháp lành. Sự từ bi của nhà Phật nằm ở chỗ, luôn mở lòng với tất cả chúng sinh, ngay cả với những người từng hiềm khích, hãm hại, ganh ghét ta, gây cho những khổ đau, thương tổn, những người được coi là thù oán với ta trong vô lượng kiếp thường được gọi là oan gia. Phật dạy: “*Hận thù diệt hận thù/Điều này không có được/Từ bi diệt hận thù/Là định luật ngàn thu*” [Kinh Pháp cú 5]. Quan niệm này khi đi vào trong tục ngữ ca dao, nó vẫn thấm nhuần tinh thần từ bi của nhà Phật là oan gia nên mở, không nên kết. Bên cạnh đó tấm lòng yêu thương chúng sinh đến quên bản thân mình cũng là biểu hiện cho triết lí Vô ngã, Vô thường của nhà Phật khi cho rằng ở đời tha chịu thiệt mình, chứ đừng tàn hiếp vì bản thân mà hại người. Chấp nhận thiệt thòi về phía bản thân chứ không cố thủ “*ăn miếng trả miếng*”, không vì cái lợi hay danh dự bản thân mà làm chuyện tổn hại đến người đó là cái vốn quý của tinh thần nhà Phật.

Một biểu hiện của tấm lòng vị tha là cứu giúp người khác khi gặp hoạn nạn. Những câu CD, TN làm lay động tâm hồn độc giả - những người có lương tri: “*Cứu nhất nhân, đắc vạn phúc*”; “*Cứu được một người phúc đặng hà sa*”; “*Dẫu xây chín bạc phù đồ/Không bằng làm phúc*

cứu cho một người". Đây là sự mô phỏng giáo lí của nhà Phật, nhưng vẫn mang giá trị kêu gọi, tác động về mặt tinh thần, đạo đức con người. Câu thơ trên chỉ ra: Xây chín bậc tháp thờ Phật (phù đồ) rất công phu hết nhiều tiền của và là một việc làm tôn nghiêm, đáp ứng nhu cầu tâm linh của đông đảo Phật tử, nhưng điều đó không có tác dụng bằng việc cứu một mạng người lúc nguy nan. Hành động vị tha giúp những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn tồn tại trong cuộc sống có ý nghĩa hơn việc tạo lập nói thờ Phật mà không có lòng từ bi của Phật.

Tinh thần từ bi của nhà Phật hòa quyện với truyền thống yêu nước, nhân nghĩa của con người Việt Nam. Phật dạy phải yêu thương con người, yêu thương sự sống. Tư tưởng ấy đã hòa nhập với đạo đức dân tộc, kêu gọi tinh thần đoàn kết: "*Nhiều điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng*". Câu thơ trên đã diễn tả một cách hình ảnh về tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau của những người có chung quê hương, Tổ quốc. Nhiều điều là thứ vải tơ, màu hồng đỏ, được phủ lên gương lòng trong khung đặt trên bàn thờ trang trọng. Nhiều điều che bụi trần cho gương được trong và sáng. Gương trong sáng phản chiếu lại làm cho nhiều điều thêm rực rỡ hơn. Giá gương và nhiều điều làm cho hình ảnh gương thêm đẹp, trong và sáng. Chúng gắn bó chặt chẽ với nhau, nương tựa vào nhau, tôn nhau và làm đẹp nhau thêm. Sự miêu tả này khiến tác giả và độc giả liên tưởng, nhắc nhở, kêu gọi những người trong một nước, có cùng một gốc thì phải yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, tạo nên sự cố kết bền chặt.

2.3. CD, TN thể hiện đạo Hiếu trong Phật giáo

Đạo Hiếu trong Phật giáo trước hết là "tâm hiếu" với đấng sinh thành. Mỗi người sinh ra đều được đón nhận tình yêu thương của cha mẹ. Có được hình hài, vóc dáng, trái tim biết rung động là nhờ sự đùm bọc, dưỡng dục của mẹ cha. Công ơn cha mẹ như suối nguồn bất tận, như biển rộng bao la. Vì thế, người làm con phải luôn nhớ giữ gìn hiếu hạnh, lấy chữ hiếu làm đầu, phải cung kính báo ơn, phải ý thức được rằng, mẹ cha tại tiền như Phật tại thế, thờ kính cha mẹ là thờ kính Phật. Biết ơn, hiếu kính với cha mẹ là điều quan trọng và thiêng liêng mà đạo Phật hướng tới cho con người. Đức Phật từ bi đã từng dạy "tâm hiếu là tâm Phật, đạo hiếu là đạo Phật". Hiếu thảo với mẹ cha là đức tính tốt, như một nền tảng cho mọi đức hạnh, là nhân tố quan trọng để xây dựng đời sống hạnh phúc cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội.

Từ đạo Hiếu trong Phật giáo, ít nhiều đã ảnh hưởng, đan xen vào CD, TN, là con đường giáo dục ngắn gọn, súc tích mà sâu lắng cho người đời. Đó là sự nhớ ơn nguồn cội: "*Con người có tổ có tông/ Như cây có cội như sông có nguồn*". Bất cứ ai sinh ra đều có nguồn cội, đó

là cha mẹ, ông bà, tiên tổ. Do vậy, trong đời sống con người, dù đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì cũng luôn phải có lòng thành kính hướng về tổ tiên, thờ phụng tổ tiên, làm gương cho đời sau học tập.

Đạo Hiếu còn là lòng biết ơn với cha mẹ: "*Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/ Một lòng thờ mẹ kính cha/ Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*". Bài ca dao mở đầu bằng hình ảnh hùng vĩ núi Thái Sơn so sánh với công cha với vợ và tình mẹ đong đầy, mênh mông, rộng lớn, mát rượi như nước biển Đông. Dãi dầm bao nắng mưa, cực nhọc, mẹ cha hi sinh hết thảy cho những đứa con. Tình yêu thương của mẹ cha là vô bờ bến, có mấy ai nuôi con lại kể công tháng ngày. Thậm chí dầu có là nước biển mênh mông hay mây trời lồng lộng cũng không so sánh được với công lao sinh thành, dưỡng dục của mẹ cha. Với hình ảnh so sánh đầy nghệ thuật ấy, bài ca dao muốn nhắc nhở mỗi con người về lòng biết ơn, sự yêu thương với cha mẹ, đó là chữ Hiếu.

Người con có hiếu là phải biết dâng lên cha mẹ những món ăn bổ dưỡng, hợp ý thích để cha mẹ được vui khỏe, hài lòng: "*Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi/ Lúa nhe già trắng dành nuôi mẹ già*". Cho dù có khó khăn, nghèo khổ đến đâu tình yêu thương cha mẹ dành cho con cái vẫn dạt dào như sóng biển và con cái đối với cha mẹ vẫn nguyên vẹn một lòng tri ân: "*Mẹ già ở túp lều tranh/ Sớm thăm, tối viếng mới đành dạ con*". Hơn nữa, gặp cảnh khốn khó chúng ta phải biết chấp nhận để tiếp tục dành tất cả sức lực và tâm huyết chăm sóc mẹ cha: "*Cầm cần câu cá ngược xuôi/ Nấu canh rau bợ mà nuôi mẹ già*".

2.4. CD, TN quan niệm về lối sống đúng "Tâm" của Phật

Trong đạo Phật quan niệm chữ "Tâm" là cái thực thể tinh thần thuần khiết bên trong chứ không phải cái hình thức tu hành hào nhoáng bên ngoài. Ai có thể sống đúng với bản chất với chân tâm trong sáng của mình, không gian dối, người đó chính là Phật. Nếu nói như Phật mà hành động đầy gian ác "*Khẩu Phật tâm xà*" ấy cũng là người phạm phư. Bởi lẽ, trọng cái tâm như vậy, nên trong dân gian mới có câu: "*Chiếc áo không làm nên thầy tu*". Trong CD, TN cũng có những lời phê phán đến những kẻ chỉ chăm chăm tu hành hời hợt bên ngoài, chỉ lo thể hiện để lấy danh mà không soi xét lại những bất ổn trong tâm địa và cách sống của mình: "*Ở ăn chẳng lành, đọc kinh phải tội*" hay "*Dẫu bà lấm gạo, nhiều tiền/ Bà chẳng ở hiền, cũng cũng như không*". Câu CD, TN trên nói về những kẻ lấm tiền, nhiều của nhưng tâm tính không tốt, sống không ngay thẳng, hay mưu tính làm lợi cho mình, dù có cúng to, cúng nhiều cũng không có nghĩa lí gì. Qua đó, CD, TN thấm nhuần tinh thần Phật giáo khuyên con người sống đúng cái tâm, đúng bản chất của mình.

(Xem tiếp bìa 3)

biết trích dẫn như thế nào cho đúng quy định để không bị coi là đạo lại công trình của người khác hoặc xây dựng tài liệu tham khảo như thế nào là phù hợp. Để góp phần nâng cao nhận thức của SV về quyền tác giả trong NCKH, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau:

1) Ban Giám hiệu nhà trường cần thiết lập và tăng cường môi trường học thuật đề cao tính trung thực và sáng tạo của cá nhân thông qua việc xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quyền tác giả trong NCKH, đồng thời chú trọng cung cấp những dịch vụ hỗ trợ SV như: hướng dẫn NCKH, công khai các công trình nghiên cứu của SV trên trang web của nhà trường và tiếp nhận các thông tin phản hồi có liên quan đến các công trình đó nhằm khuyến khích tinh thần học tập, nghiên cứu của các em.

Để trang bị cho SV những hiểu biết cần thiết về các quy định của pháp luật, ngăn chặn các hành vi vi phạm quyền tác giả, nhà trường cần xem xét lồng ghép giảng dạy về quyền tác giả trong một số học phần có liên quan như: *Giáo dục học, Nhà nước và pháp luật, Phương pháp NCKH, ...* Các hoạt động ngoại khóa có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức như: tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm về quyền tác giả trong NCKH, ... Nhà trường có thể sử dụng trang thông tin điện tử nhằm phổ biến các kiến thức về quyền tác giả cho SV toàn trường, tổ chức các diễn đàn trao đổi trực tuyến, các trường hợp vi phạm quyền tác giả và một số cách phòng tránh.

2) Ban Chủ nhiệm khoa Sư phạm cần yêu cầu tất cả GV và SV của Khoa thống nhất thực hiện Quy định trình bày báo cáo kết quả đề tài NCKH theo Quyết định số 63/QĐ-ĐHAG của Trường Đại học An Giang. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền tác giả trong NCKH, không để xảy ra các trường hợp vi phạm quyền tác giả, hoặc thực hiện sai quy định về trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo.

3) Nhà trường cần có chế độ khuyến khích, khen thưởng đối với GV có tinh thần tự học hỏi, thực hiện tốt các quy định về quyền tác giả trong giảng dạy, NCKH và hướng dẫn SV. GV cần quan tâm sâu sát, kịp thời phát hiện SV vi phạm quyền tác giả, nhắc nhở và định hướng cho các em thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Benjamin S. Bloom (1995). *Nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục, lĩnh vực nhận thức*. NXB Giáo dục.
- [2] Đoàn Đức Lương (2009). *Thực trạng và phương hướng đưa môn sơ hữu trí tuệ vào giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số 224, tr 14-16.

[3] Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2)*. NXB Hồng Đức.

[4] Nguyễn Thái Ngọc Hà (2012). *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên Trường Đại học An Giang*. Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Trường. Trường Đại học An Giang: Trung tâm Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

[5] Phạm Minh Hạc (1996). *Mười năm đổi mới giáo dục và đào tạo*. NXB Giáo dục.

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO...

(Tiếp theo trang 52)

Dấu ấn Phật giáo trong CD, TN người Việt phản ánh sự gắn bó mật thiết giữa đạo Phật và văn hóa bản địa. Những giáo lí kinh điển nhà Phật như luân hồi, nhân quả, quan niệm về chữ tâm, về hạnh phúc... được tinh lọc qua bộ lọc văn hóa dân gian đã được truyền bá sâu rộng trong nhân dân một cách phong phú, gần gũi, dễ thấm thấu đối với đa phần người dân Việt.

Như một lẽ tự nhiên, Phật giáo gần gũi và gắn kết với văn hóa bản địa nước ta và trở thành “mạch nguồn”, giá trị sâu sắc trong bản sắc truyền thống dân tộc. Để rồi khi du nhập vào Việt Nam - một mảnh đất thuần hậu, khoan dung, sẵn sàng tiếp biến những giá trị văn hóa hợp thời đại, với hạt giống trí tuệ sáng suốt và lòng từ bi vô tận của mình, Phật giáo đã ươm mầm một thứ văn hóa Phật giáo đặc trưng riêng có, đậm chất Việt Nam. Sự cộng hưởng đầy tinh tế giữa Phật giáo và văn hóa Việt, mà cụ thể ở đây là CD, TN đã ghi dấu ấn sâu sắc, có giá trị giáo dục to lớn, góp phần làm tốt Đồi, đẹp Đạo và do vậy, nó có sức sống trường tồn với thời gian.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2016). *Kỉ yếu Hội thảo khoa học Triết lí nhân sinh trong văn hóa Việt Nam*. NXB Lí luận chính trị.
- [2] Nguyễn Xuân Kính (2001). *Kho tàng ca dao người Việt (tập 1)*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [3] Vũ Ngọc Phan (2009). *Tục ngữ - ca dao - dân ca Việt Nam*. NXB Văn học.
- [4] Trần Đăng Sinh - Nguyễn Chu Sâm (2014). *Đạo làm người trong văn hóa Việt Nam*. NXB Lí luận chính trị.
- [5] Trần Quốc Vượng (2000). *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. NXB Văn hóa dân tộc.